

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-PT

Ngày: 09/5/2023

“V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng
vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng dân
sự vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình và ông Trần Ngọc Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 4 và 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng dân sự vô hiệu” do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Lê Viết Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 206 đường N phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1966; địa chỉ: số 13/3/95 đường Nguyễn T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Thùy H, sinh năm 1972; địa chỉ: số 07/3 đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Bảo T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 206 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Lê Viết T1, sinh năm 1927; địa chỉ: Số 113 đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Viết B, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 30/405 đường Nguyễn Tất T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Viết B: Ông Nguyễn Hoài N – Luật sư Công ty Luật hợp danh T; địa chỉ: 99 đường N thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thị xã H. Địa chỉ: Số 749 đường N, phường T, thị xã H, Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh M. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Viết H; chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã H (Văn bản ủy quyền số 1912/GUQ-UBND ngày 29/8/2022); có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Viết Trường G; địa chỉ: Số 09/43 đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Quý L; địa chỉ: Số 36/01 đường A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị X, địa chỉ: Số 12/395 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Trọng L, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 114 đường Bạch Đằng, phường Gia Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Lê Viết Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 36/78 đường K, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Lê Viết L, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 14 đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Ông Lê Viết D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 02/178 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Viết T2, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 421 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Phương Th; sinh năm 1984 (vợ ông Lê Viết Thanh T); địa chỉ: Số 206 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có kháng cáo: Nguyên đơn: ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H; Bị đơn: ông Lê Viết T1, ông Lê Viết B; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lê Viết Trường G, ông Lê Quý L, bà Lê Thị X, ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2020, Đơn khởi kiện bổ sung, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Lê Bảo T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m² (theo bản đồ địa chính năm 2017 là thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 396,2m²) tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của ông bà nội của các đồng nguyên đơn là ông Lê Viết C và bà Lê Thị V tạo lập từ năm 1950. Sau khi

ông C và bà V chết thì để lại cho cha, mẹ của các đồng nguyên đơn là Lê Viết L (chết năm 2015) và bà Lê Thị T (chết năm 2012), ông L và bà T có 03 người con chung là Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thùy H, Lê Viết Thanh T. Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 101497 ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T. Theo các bản đồ địa chính thì thửa đất trên đều do bà Lê Thị T kê khai, đăng ký. Ngày 28/3/1994, có các ông trong họ tộc Lê Viết là ông Lê Viết T1, ông Lê Viết C, ông Lê Viết L, ông Lê Viết H cho rằng thửa đất trên có nguồn gốc từ dòng họ Lê V nên lợi dụng việc ông Lê Viết L đi làm ăn xa, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn đã gây sức ép buộc bà Lê Thị T ký vào bản thỏa thuận và buộc bà T phải đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho các ông này giữ. Thời điểm lập bản thỏa thuận ông Lê Viết L cũng như những người con đã thành niên không có mặt cũng như không đồng ý việc ký bản thỏa thuận này, nội dung và hình thức của bản thỏa thuận trên là trái quy định của pháp luật, không đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục. Sau khi ký thỏa thuận trên, những người này đã xây dựng 03 ngôi nhà cấp 4 (kiot) để cho ông Lê Viết Trường G, Lê Quý L, bà Lê Thị X thuê sử dụng.

Do đó, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bản thỏa thuận (bản chất là hợp đồng dân sự) ký kết giữa các ông Lê Viết T1, ông Lê Viết C, ông Lê Viết L, ông Lê Viết H với bà Lê Thị T ngày 28/3/1994 vô hiệu toàn bộ và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Lê Viết T1, ông Lê Viết B, ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ và tháo dỡ các kiot trên thửa đất để trả lại mặt bằng đất cho cho đồng nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang số hiệu A 101497, đã được UBND thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ 03, diện tích 407m² tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì phía các đồng nguyên đơn không chấp nhận, do không có cơ sở pháp luật.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Viết T1 và ông Lê Viết B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m² (theo bản đồ địa chính năm 2017 là thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 396,2m²) tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của họ tộc Lê V, năm 1936 đã được chế độ Đại Nam Trung Kỳ Chánh Phủ cấp bản sao địa bộ cho họ Lê V, mang số hiệu thửa đất 227 gồm 8 sào, 5 thước, 5 tấc cấp. Trên thửa đất hiện nay có các lăng mộ của họ Lê V từ xưa đến nay. Sau đó họ Lê V cho một số cá nhân trong họ ở nhờ để trông coi đất hương hỏa thông qua việc bóc xăm, ông Lê Viết C và bà Lê Thị V được sử dụng thửa đất trên. Sau khi ông C, bà V chết, con trai và con dâu là Lê Viết L và bà Lê Thị T tiếp tục sử dụng ở nhờ. Khi ông L bỏ đi thì họ Lê Viết thấy bà T có 03 người con nhỏ, kinh tế khó khăn nên họ ưu tiên cho ở nhờ một lô đất mà không thông qua bóc xăm để có điều kiện kinh doanh buôn bán, không được chuyển nhượng cho người khác. Vào ngày 28/3/1994, có

các ông đại diện Ban chấp hành họ tộc Lê Viết là Lê Viết T1, Lê Viết C, Lê Viết L, Lê Viết H đã ký với bà Lê Thị T bản thỏa thuận, nội dung: Thống nhất để cho hộ bà Lê Thị T ở theo phạm vi mà họ đã phân theo thỏa thuận để chủ hộ tự quản lý, sử dụng lâu dài và chỉ được thừa kế cho cháu trai trong gia đình, không được chuyển nhượng cho người khác. Bà Lê Thị T giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ Lê V. Bà Lê Thị T được quản lý sử dụng 267 m², họ Lê V quản lý sử dụng 140 m².

Kèm theo bản thỏa thuận là sơ đồ phân chia thửa đất số 689 làm 02 phần, một phần do họ Lê V quản lý, sử dụng, một phần do bà Lê Thị T sử dụng. Việc ký bản thỏa thuận này của bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện việc bà T công nhận phần diện tích đất trên là của họ Lê V. Họ Lê V cũng rất tạo điều kiện cho bà T, đã nhượng cho bà T 1 lô đất ở vị trí khác, do đó bà T mới giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phía bị đơn và những người trong họ Lê V giữ. Sau khi ký kết bản thỏa thuận trên thì họ tộc Lê V đã xây dựng 03 kiot trên thửa đất để cho người khác thuê, lấy tiền thờ cúng cho họ tộc. Quá trình quản lý sử dụng thửa đất trên bà T tự ý kê khai, đăng ký thửa đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mà họ Lê V không hề hay biết. Do đó, không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu A 101497, đã được UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T thửa đất số 698, tờ bản đồ 03, diện tích 407m², tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, do cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, giữ nguyên bản thỏa thuận ngày 28/3/1994 giữa bà T và họ Lê V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quý L, Lê Viết Trường G, bà Lê Thị X trình bày: Các ông bà có ký hợp đồng thuê kiot với họ tộc Lê V để kinh doanh, tại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m² (theo bản đồ địa chính năm 2017 là thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 396,2m²) tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì các ông bà thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày: Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ kê khai theo Bản đồ giải thửa 299/TTg thửa đất tranh chấp thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 3, diện tích 407m² do bà Lê Thị T kê khai (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2004 thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 396,3m² do bà Lê Thị T kê khai) và đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 101497 ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T. Qua kiểm tra hiện trạng trên thửa đất nêu trên có tồn tại 01 ngôi nhà (theo kê khai của gia đình là do vợ, chồng bà T xây dựng từ khoảng năm 1970), 01 ngôi nhà ông Lê Viết Thanh T (con trai bà T) tự xây dựng từ năm 2014; ngoài ra, phía mặt tiền thửa đất giáp Quốc lộ 1A trên đất có tồn tại 03 kiot được xây dựng từ năm 1995 do họ Lê Viết xây dựng và cho thuê kinh doanh cho đến nay. Tiếp giáp phía Đông – Nam của thửa đất là Lãng của họ Lê V, ranh giới sử dụng đất giữa thửa đất hộ gia đình bà T đang sử dụng với đất của họ Lê V (Lãng) không có hàng rào, ranh giới chưa rõ ràng. Việc xây dựng các ki ốt các bên liên quan tự thỏa thuận xây dựng, không xin phép xây dựng đối với cơ quan nhà nước có thẩm

quyền. Như vậy, thửa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thửa đất có tồn tại tài sản của gia đình bà T và họ Lê V. Việc cấp Giấy chứng nhận tại thời điểm năm 1990 cho bà Lê Thị T là đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thông tư số 302/TT/ĐKTK ngày 20/10/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do UBND thành phố H thực hiện, và không bàn giao hồ sơ lưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho huyện H (nay là thị xã H) khi sáp nhập địa giới hành chính, hiện nay Ủy ban nhân dân thị xã H không có hồ sơ lưu đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T. Quá trình sử dụng đất giữa các bên liên quan có thỏa thuận về việc xây dựng 03 căn kiot trên đất vào năm 1995, thời điểm hình thành công trình sau thời cấp giấy năm 1990, đây là thỏa thuận dân sự giữa các bên liên quan. Do đó UBND thị xã đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu A 101497, đã được UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T, thửa đất số 698, tờ bản đồ 03, diện tích 407m², tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa người thừa kế của ông Lê Viết C và bà Lê Thị V, của ông Lê Viết L vào tham gia tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 220; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13; Điều 15; Điều 16 Pháp lệnh Hợp đồng dân sự năm 1991; Điều 124; Điều 127; Điều 137; Điều 692; Điều 723 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-08-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố hợp đồng dân sự là bản thỏa thuận được ký kết giữa các ông Lê Viết T1, ông Lê Viết C, ông Lê Viết L, ông Lê Viết H với bà Lê Thị T ngày 28/3/1994 vô hiệu toàn bộ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Viết T1 và Lê Viết B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu A 101497, đã được UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị Thắng thửa đất số 698, tờ bản đồ 03, diện tích 407m², tọa lạc tại đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Buộc bị đơn là ông Lê Viết T1, Lê Viết B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê

Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2 phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/10/1990 cho bà Lê Thị T, số hiệu A 101497 cho ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H.

Buộc bị đơn là ông Lê Viết T1, Lê Viết B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2 trả lại quyền sử dụng đất, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích theo hiện trạng hiện nay là 383,7m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 689, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m²), tọa lạc tại số 260 đường N, phường T, thị xã H cho những người thừa kế của bà Lê Thị T và ông Lê Viết L là ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H. Vị trí, tỷ lệ các cạnh của thửa đất được xác định theo bản vẽ hiện trạng thửa đất (thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28) kèm theo bản án này.

Giao ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H được sở hữu tài sản trên đất và phải thanh toán số tiền 39.900.550 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn năm trăm năm mươi đồng) cho ông Lê Viết T1, Lê Viết B, ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 14/10/2022, Nguyên đơn là ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H; ngày 28/10/2022, các nguyên đơn ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bà Lê Thị Thùy H có đơn kháng cáo bổ sung; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Ngày 17/10/2022 Bị đơn là ông Lê Viết T1, ông Lê Viết B có đơn kháng cáo; Ngày 17/10/2022, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Viết Trường G, ông Lê Quý L, bà Lê Thị X, ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết L, ông Lê Viết D, ông Lê Viết T2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS-DS: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/4/2023, nguyên đơn ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bị đơn ông Lê Viết T1, Lê Viết B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Lê Viết Trường G, ông Lê Quý L, bà Lê Thị X, ông Lê Viết D, Trần Thị Phương T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

1.2. Tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 09/5/2023, nguyên đơn ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, bị đơn ông Lê Viết T1, Lê Viết B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Lê Viết Trường G, ông Lê Quý L, bà Lê Thị X, ông Lê Trọng L, ông Lê Viết Đ, ông Lê Viết D, Trần Thị Phương T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Lê Viết L, Lê Viết D vắng mặt. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 17/4/2022 có mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

1.3. Về việc xác định những người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn ông T, bà D, bà H đều khai (**Từ BL69 đến BL 74**): “*Nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước đây do ông bà nội tôi là Lê Viết C và bà Lê Thị V tạo lập từ năm 1955. Sau đó nhượng lại cho bố mẹ tôi là Lê Viết L - Lê Thị T tiếp tục sử dụng từ năm 1975*”. Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2022 (**BL177**), UBND phường T cung cấp: “*...Năm 1980 thành lập bản đồ 299/TTg được đo đạc kê khai tên Lê Viết C*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định những người thừa kế của ông C và bà V vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Trọng L khai ông Lê Viết L có 03 người con riêng với bà Lê Thị Q, Bản sao Giấy chứng tử của ông Lê Viết L do UBND xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/9/2015, người đăng ký khai tử là Lê Viết Anh T.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, ngày 17/4/2023 Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung tài liệu, chứng cứ. Ngày 24/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được hồ sơ đăng ký khai tử do UBND xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cung cấp. Tại Tờ khai đăng ký khai tử do ông Lê Viết Anh T khai ngày 04/10/2015 có nội dung: “*Ông T có quan hệ với người chết Lê Viết L là con trai*”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ và đưa đầy đủ những người thừa kế của ông L vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Về quá trình đăng ký sử dụng đất:

Trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn đều khai nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông bà nội các nguyên đơn tên Lê Viết C và bà Lê Thị V tạo lập từ năm 1955. Cấp sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ về quá trình kê khai theo bản đồ 299/TTg như sau: Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2022 thì do ông Con đăng ký. Tại Công văn số 209/UBND ngày 01/11/2021, UBND phường T cung cấp: “... Năm 1980 thành lập bản đồ 299/TTg được đo đạc kê khai tên Lê Viết C.... Qua đối chiếu hồ sơ kê khai đăng ký đất đai qua các thời kỳ như sau: Theo Bản đồ 299/TTg thửa đất số 689, tờ bản đồ số 3, diện tích 407 do bà Lê Thị T kê khai và được cấp giấy chứng nhận số 101497 ngày 14/10/1990...”. Như vậy, cùng một Công văn nhưng UBND phường Thủy D trả lời theo Bản đồ 299/TTg khi thì ông C đăng ký, khi thì bà T đăng ký là có mâu thuẫn. Tại Bản photocopy bản đồ 299 (**BL 169**) thể hiện thửa đất số 689, diện tích 407 m² tên người đăng ký C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh để làm rõ thửa đất tranh chấp theo bản đồ 299/TTg là do ông C hay bà T đăng ký sử dụng, để làm rõ nguồn gốc thửa đất là chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ đầy đủ.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận ngày 28/3/1994 vô hiệu, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tháo dỡ 03 ki ốt xây dựng trên đất để trả lại diện tích đất 140 m² (40 x 3,5). Tại Biên bản định giá ngày 20/5/2022 (**BL 194-198**) và Bản vẽ hiện trạng nhà đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 15/7/2022 (**BL 201**), Bản vẽ kèm theo Bản án Dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H đều thể hiện trên thửa đất có 02 ki ốt. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/4/2023 nguyên đơn bà Lê Thị Thùy H trình bày yêu cầu bị đơn và người liên quan tháo dỡ 03 ki ốt để trả lại 140 m² đất. Trên thửa đất ngoài các ki ốt còn có nhà của nguyên đơn. Bị đơn và người liên quan không sử dụng phần đất này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ, phía bị đơn xây dựng 02 hay 03 ki ốt, trên diện tích đất bao nhiêu mà tuyên buộc trả lại toàn bộ thửa đất số 187, tờ bản đồ 28 diện tích 383,7 m² là vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn và không có căn cứ.

2.3. Bản án sơ thẩm tuyên giao cho các nguyên đơn được sở hữu tài sản trên đất nhưng không nêu rõ tài sản gì, kết cấu như thế nào, diện tích xây dựng bao nhiêu là thiếu sót.

2.4. Về luật áp dụng: Bảng thỏa thuận mà nguyên đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu được các bên lập ngày 28/4/1994. Như vậy, cần áp dụng Pháp lệnh hợp đồng Dân sự năm 1991; Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết vụ án, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là không có căn cứ.

2.5. Về án phí: Bị đơn ông Lê Viết T1 và ông Lê Viết B là người cao tuổi. Tuy nhiên, họ không có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, miễn án phí nhưng cấp sơ thẩm tuyên miễn án phí sơ thẩm và miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị

đơn là không đúng quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2.6. Về lệ phí: Phân quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên họ tên của bị đơn nào, phần mỗi người phải thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thùy H bao nhiêu là không đúng quy định của pháp luật.

2.7. Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc dòng họ Lê V vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2020 ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét thấy cấp sơ thẩm không đưa thành viên của dòng họ Lê V vào tham gia tố tụng là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận nội dung này của kháng nghị.

2.8. Về kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán 372.000.000 đồng tiền cho thuê ki ốt là vượt quá phạm vi khởi kiện, giới hạn kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.9. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là yêu cầu của đương sự nhưng không phải là yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là yêu cầu phản tố là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, một phần kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo như quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Viết Thanh T, bà Lê Thị Thùy H, bà Lê Thị Thùy D số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0003641 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho các ông, bà Lê Viết Trường G, Lê Quý L, Lê Thị X, Lê Viết D mỗi người 300.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003642, AA/2021/0003643, AA/2021/0003644, AA/2021/0003645 ngày 06/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính Trần Ngọc Tú

Thái Thị Hồng Vân

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân